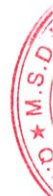


**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

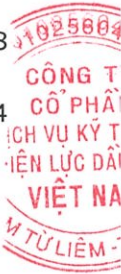
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 24



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phan Ngọc Hiền	Chủ tịch
Ông Ngô Kim Sơn	Ủy viên
Ông Mai Văn Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Phan Thế Hồng	Ủy viên
Bà Cao Thị Liên	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Minh Tuấn	Giám đốc
Ông Đinh Quang Hưng	Phó Giám đốc
Ông Bùi Duy Nhị	Phó Giám đốc
Ông Mã Ngọc Kỳ	Phó Giám đốc
Ông Vũ Quang Dũng	Phó Giám đốc
Ông Phùng Văn Đức	Phó Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2017)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Văn phòng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, *PT*



**Nguyễn Minh Tuấn**  
**Giám đốc**

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

Số: 500 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Văn phòng Công ty"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty không bao gồm số liệu báo cáo tài chính của các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc, để hiểu rõ tình hình tài chính, người đọc cần tham khảo báo cáo tài chính toàn Công ty được phát hành cùng ngày. Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty là số liệu đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 08 và Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư khoản mục hàng tồn kho và công nợ phải trả người bán của Văn phòng Công ty bao gồm khoảng 2.481 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.481 tỷ VND) liên quan đến giá trị vật tư, thiết bị nhập khẩu phục vụ công tác bảo dưỡng Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2 (thuộc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) và Nhà máy Điện Chu trình Hỗn hợp Nhơn Trạch 2 (thuộc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2). Văn phòng Công ty đã ký các biên bản thỏa thuận chuyển đổi chủ thể hợp đồng bảo dưỡng với nhà thầu và các nhà máy điện và đang hoàn thiện các thủ tục cần thiết với các bên liên quan. Do đó, số dư hàng tồn kho và công nợ phải trả sẽ được điều chỉnh khi Văn phòng Công ty hoàn tất các thủ tục với các bên liên quan.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 20 và Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, ngoài phần dịch vụ tự thực hiện, Văn phòng Công ty cũng đang ghi nhận doanh thu và giá vốn liên quan đến dịch vụ từ nhà thầu phụ OEM và hàng thực thanh, thực chi mà Văn phòng Công ty nhận từ các nhà máy điện sau đó chuyển trả các nhà thầu.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



**Vũ Đức Nguyên**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0764-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 14 tháng 3 năm 2018  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Đỗ Trung Kiên**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1924-2018-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.971.595.201.392</b>	<b>3.033.312.103.122</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>20.837.614.246</b>	<b>42.586.190.858</b>
1. Tiền	111		20.837.614.246	5.586.190.858
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	37.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>446.282.667.496</b>	<b>429.057.361.379</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	440.834.375.764	317.486.977.721
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	1.089.260.000	96.536.811.331
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		2.840.706.842	5.920.818.796
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.518.324.890	9.112.753.531
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>2.493.631.459.707</b>	<b>2.497.715.919.120</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.493.631.459.707	2.497.715.919.120
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.843.459.943</b>	<b>63.952.631.765</b>
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	9	10.843.459.943	63.952.631.765
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>83.349.963.561</b>	<b>76.629.994.141</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>17.860.000</b>	<b>12.860.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	17.860.000	12.860.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>44.945.002.871</b>	<b>38.958.129.013</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	44.694.771.098	38.899.209.658
- Nguyên giá	222		78.494.421.903	63.871.390.145
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.799.650.805)	(24.972.180.487)
2. Tài sản cố định vô hình	227		250.231.773	58.919.355
- Nguyên giá	228		590.414.750	348.117.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340.182.977)	(289.198.395)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>200.519.442</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	200.519.442
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>5.040.000.000</b>	<b>5.040.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.040.000.000	5.040.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>33.347.100.690</b>	<b>32.418.485.686</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	33.347.100.690	32.418.485.686
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>3.054.945.164.953</b>	<b>3.109.942.097.263</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

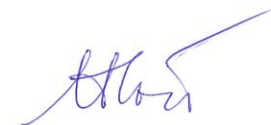


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.861.817.732.593</b>	<b>2.917.615.807.447</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.859.343.986.115</b>	<b>2.915.115.807.447</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	2.684.936.258.142	2.520.003.618.893
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	64.665.288.636	208.315.812.691
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	5.627.796.961	3.604.184.734
4. Phải trả người lao động	314		18.778.537.600	31.043.714.860
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	66.860.957.380	146.688.226.410
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	14.970.540.690	4.118.854.495
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.504.606.706	1.341.395.364
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.473.746.478</b>	<b>2.500.000.000</b>
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		2.473.746.478	2.500.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>193.127.432.360</b>	<b>192.326.289.816</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>193.127.432.360</b>	<b>192.326.289.816</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.125.730.608	15.303.102.810
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.001.701.752	27.023.187.006
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		108.943.529	2.449.743.037
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		24.892.758.223	24.573.443.969
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>3.054.945.164.953</b>	<b>3.109.942.097.263</b>

  
Nguyễn Thị Mai Hoa  
Người lập biểu

  
Lê Đình Thái  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Minh Tuấn  
Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



## **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>1.359.372.926.750</b>	<b>1.245.923.431.357</b>
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	1.279.432.994.761	1.162.899.254.975
<b>3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=01-11)</b>	<b>20</b>		<b>79.939.931.989</b>	<b>83.024.176.382</b>
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21		480.916.288	1.657.561.877
5. Chi phí tài chính	22		54.161.915	1.696.604.394
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	1.859.652.373
6. Chi phí bán hàng	25		-	1.733.000
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		49.111.575.662	51.288.068.202
<b>8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>31.255.110.700</b>	<b>31.695.332.663</b>
9. Thu nhập khác	31		88.619.880	105.038.892
10. Chi phí khác	32		19.934.637	446.679.363
<b>11. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>68.685.243</b>	<b>(341.640.471)</b>
<b>12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>31.323.795.943</b>	<b>31.353.692.192</b>
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	6.435.909.545	6.501.617.736
<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>24.887.886.398</b>	<b>24.852.074.456</b>
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	1.327	1.314

**Nguyễn Thị Mai Hoa**  
Người lập biểu

**Lê Đình Thái**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Minh Tuấn**  
Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>31.323.795.943</b>	<b>31.353.692.192</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.001.996.375	6.917.419.141
Các khoản dự phòng	03	-	(163.047.979)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(480.915.866)	(792.534.672)
Chi phí lãi vay	06	-	1.859.652.373
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>39.844.876.452</b>	<b>39.175.181.055</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	37.310.314.793	73.040.447.993
Thay đổi hàng tồn kho	10	4.084.459.413	40.231.507.683
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(62.283.315.382)	(259.970.320.404)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(928.615.004)	(1.875.019.824)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(2.021.967.128)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.575.334.792)	(8.180.131.388)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>13.452.385.480</b>	<b>(119.600.302.013)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(18.314.129.652)	(26.066.099.520)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	375.559.788	792.534.672
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(17.938.569.864)</b>	<b>(25.273.564.848)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	55.607.816.936
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(125.236.465.001)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(17.262.392.228)	(23.040.851.895)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(17.262.392.228)</b>	<b>(92.669.499.960)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(21.748.576.612)</b>	<b>(237.543.366.821)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>42.586.190.858</b>	<b>280.129.557.679</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>20.837.614.246</b>	<b>42.586.190.858</b>

Nguyễn Thị Mai Hoa  
Người lập biểu

Lê Đình Thái  
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tuấn  
Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021005 ngày 27 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 10 năm 2015.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVPower").

Tổng số nhân viên của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 100 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 97).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận hành nhà máy điện; Dịch vụ kỹ thuật: bảo trì, bảo dưỡng, đại tu nhà máy điện bao gồm phần thiết bị nhà máy chính và các phần có liên quan; Kinh doanh vật tư máy móc; Kinh doanh vật tư thiết bị máy móc và hệ thống thiết bị dây chuyên đồng bộ phục vụ cho ngành điện, thông tin viễn thông và các ngành công nghiệp khác; Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyên giao công nghệ các nhà máy điện và công nghiệp; lắp đặt hệ thống điện; Tư vấn thiết kế, biên dịch, biên soạn tài liệu và các giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu suất nhà máy điện, các giải pháp tiết kiệm năng lượng mới, năng lượng tái tạo và cả hệ thống thiết bị công nghiệp (Không bao gồm thiết kế công trình); Thi công trạm biến áp, đường dây truyền tải và hệ thống điện, hệ thống đo lường điều khiển tự động, hệ thống thông tin viễn thông và hệ thống cung cấp và xử lý nước cho công trình công nghiệp và dân dụng; Thi công lắp đặt các công trình công nghiệp; Đầu tư sản xuất thiết bị điện, phụ tùng vật tư cho ngành điện dầu khí và các ngành công nghiệp khác; Đại lý kinh doanh viễn thông; Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy điện.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Chi nhánh Hà Tĩnh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam; và
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam tại Đà Nẵng - Trung tâm Thí nghiệm điện.

### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Báo cáo này không bao gồm số liệu báo cáo tài chính của các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc. Theo đó, số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty là số liệu đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty không bao gồm số liệu báo cáo tài chính của các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc như trình bày tại Thuyết minh số 01.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Văn phòng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Văn phòng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định kế toán hiện hành.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Văn phòng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Văn phòng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm nay</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị phần mềm kế toán và phần mềm quản lý (gọi chung là "phần mềm"), được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Văn phòng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Văn phòng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Văn phòng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Văn phòng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Văn phòng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Quý phát triển khoa học và công nghệ**

Quý phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Văn phòng Công ty. Quý được hình thành trên cơ sở trích lập từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Văn phòng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Văn phòng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Văn phòng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	66.261.075	125.715.590
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.771.353.171	5.460.475.268
Các khoản tương đương tiền (i)	-	37.000.000.000
	<b>20.837.614.246</b>	<b>42.586.190.858</b>

(i) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 phản ánh các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Phải thu các bên liên quan</b>	<b>439.827.792.682</b>	<b>273.631.999.422</b>
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	296.332.443.494	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	70.832.511.352	51.658.974.760
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	54.053.164.719	50.409.389.625
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	18.609.673.117	171.563.635.037
<b>b) Phải thu khách hàng khác</b>		
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	-	40.933.755.217
Các khách hàng khác	1.006.583.082	2.921.223.082
	<b>440.834.375.764</b>	<b>317.486.977.721</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thiên Hùng Anh	625.800.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông năng lượng Việt	308.000.000	-
Ge Power Solutions (Malaysia)	-	96.055.220.331
Các đối tượng khác	155.460.000	481.591.000
	<b>1.089.260.000</b>	<b>96.536.811.331</b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	1.230.213.883	3.319.603.652
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	147.447.875	147.447.875
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	-	5.538.419.000
Phải thu ngắn hạn khác	140.663.132	107.283.004
	<b>1.518.324.890</b>	<b>9.112.753.531</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	17.860.000	12.860.000
	<b>17.860.000</b>	<b>12.860.000</b>



**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dư phòng VND	Giá gốc VND	Dư phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu (i)	467.342.173.107	-	466.220.346.077	-
Công cụ, dụng cụ	191.967.000	-	7.859.655.374	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (ii)	2.026.097.319.600	-	2.023.635.917.669	-
	<b>2.493.631.459.707</b>	<b>-</b>	<b>2.497.715.919.120</b>	<b>-</b>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là vật tư, thiết bị nhập khẩu dự phòng phục vụ việc sửa chữa, đại tu các tổ hợp tuabin khí tại Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 (thuộc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 (thuộc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2) theo hợp đồng bảo trì dài hạn với số tiền khoảng 465 tỷ VND.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang chủ yếu bao gồm các chi phí liên quan đến mua vật tư, thiết bị nhập khẩu và các chi phí phát sinh khác phục vụ việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy điện Cà Mau 1, Nhà máy điện Cà Mau 2 và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo Hợp đồng giữa Công ty với nhà thầu Siemens (Siemens Aktiengesellschaft và Công ty TNHH Siemen Việt Nam) với số tiền khoảng 2.016 tỷ VND.

Ngày 26 tháng 8 năm 2016, Công ty, nhà thầu Siemens (Siemens Aktiengesellschaft và Công ty TNHH Siemen Việt Nam) và Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đã ký Biên bản thỏa thuận chuyển đổi chủ thể của Hợp đồng bảo dưỡng dài hạn nhà máy điện Nhơn Trạch 2 ký ngày 28 tháng 11 năm 2009. Theo đó, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2: (i) thay thế Công ty trở thành khách hàng trực tiếp của nhà thầu Siemens và (ii) kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong Hợp đồng bảo dưỡng dài hạn ký ngày 28 tháng 11 năm 2009 giữa Công ty và nhà thầu Siemens và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

Ngày 15 tháng 3 năm 2017, Công ty, nhà thầu Siemens (Siemens Aktiengesellschaft và Công ty TNHH Siemen Việt Nam) và Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (thuộc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) đã ký Biên bản thỏa thuận chuyển đổi chủ thể của Hợp đồng bảo dưỡng dài hạn các nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 ký ngày 03 tháng 10 năm 2008. Theo đó, Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau: (i) thay thế Công ty trở thành khách hàng trực tiếp của nhà thầu Siemens và (ii) kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong Hợp đồng bảo dưỡng dài hạn ký ngày 03 tháng 10 năm 2008 giữa Công ty và nhà thầu Siemens và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

Tại ngày báo cáo tài chính này, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục cần thiết với các bên liên quan. Do đó, số dư hàng tồn kho và công nợ phải trả (như trình bày tại Thuyết minh số 13) sẽ được điều chỉnh khi Công ty hoàn tất các thủ tục với các bên liên quan.

**9. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ**

Chi tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong kỳ	Số khấu trừ	Số hoàn thuế	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (*)	63.952.631.765	138.303.828.802	128.233.950.792	63.179.049.832	10.843.459.943

(\*) Theo Quyết định số 12703/QĐ-CT-KTT2 ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Cục thuế Hà Nội, Công ty được hoàn thuế giá trị gia tăng cho kỳ hoàn thuế từ tháng 01 năm 2015 đến tháng 4 năm 2016 bằng tiền là 63.179.049.832 VND và khấu trừ cho kỳ sau là 25.214.850.927 VND.

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dung cụ quản lý VND	Công VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>640.000.000</b>	<b>25.003.990.004</b>	<b>17.698.746.909</b>	<b>20.528.653.232</b>	<b>63.871.390.145</b>
Mua sắm mới	694.200.000	10.614.483.400	175.000.000	5.035.711.994	16.519.395.394
Nhận điều chuyển từ chi nhánh Đà Nẵng	-	2.940.137.072	-	-	2.940.137.072
Chuyển trả lại chi nhánh Đà Nẵng	-	(2.940.137.072)	-	-	(2.940.137.072)
Giảm khác	-	(1.896.363.636)	-	-	(1.896.363.636)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.334.200.000</b>	<b>33.722.109.768</b>	<b>17.873.746.909</b>	<b>25.564.365.226</b>	<b>78.494.421.903</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>160.580.970</b>	<b>8.326.736.414</b>	<b>7.568.753.255</b>	<b>8.916.109.848</b>	<b>24.972.180.487</b>
Trích khấu hao trong năm	223.095.514	3.193.993.659	2.773.454.912	3.031.376.799	9.221.920.884
Nhận điều chuyển từ chi nhánh Đà Nẵng	-	2.539.891.784	-	-	2.539.891.784
Chuyển trả lại chi nhánh Đà Nẵng	-	(2.663.433.259)	-	-	(2.663.433.259)
Giảm khác	-	(270.909.091)	-	-	(270.909.091)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>383.676.484</b>	<b>11.126.279.507</b>	<b>10.342.208.167</b>	<b>11.947.486.647</b>	<b>33.799.650.805</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>479.419.030</b>	<b>16.677.253.590</b>	<b>10.129.993.654</b>	<b>11.612.543.384</b>	<b>38.899.209.658</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>950.523.516</b>	<b>22.595.830.261</b>	<b>7.531.538.742</b>	<b>13.616.878.579</b>	<b>44.694.771.098</b>

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 10.136.539.310 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 8.595.500.687 VND).

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Văn phòng Công ty có khoản góp vốn 5.040.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) tương ứng 504.000 cổ phần, chiếm 11,9% vốn điều lệ của PAIC. Do tổng số vốn góp thực tế của các cổ đông của PAIC thấp hơn vốn chủ sở hữu thực có của PAIC tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nên Ban Giám Đốc xác định không phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư.

Văn phòng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuê văn phòng dài hạn (i)	25.375.375.421	26.003.219.762
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.971.725.269	6.415.265.924
	<b>33.347.100.690</b>	<b>32.418.485.686</b>

(i) Khoản tiền thuê văn phòng theo Hợp đồng thuê dài hạn với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Việt Nguyên để thuê toàn bộ tầng 7, Tòa nhà HH3 Sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày ký hợp đồng, tổng số tiền phải trả là 32.402.000.000 VND. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí thuê nhà tương ứng với thời gian thuê.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả</b>
	<b>VND</b>	<b>năng trả nợ</b>	<b>VND</b>	<b>năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Nhà cung cấp khác</b>				
Siemens Aktiengesellschaft	2.481.428.597.875	2.481.428.597.875	2.485.012.443.931	2.485.012.443.931
- Phải trả liên quan đến vật tư, thiết bị nhập từ Siemens (i)	2.481.428.597.875	2.481.428.597.874	2.481.428.597.874	2.481.428.597.874
- Phải trả liên quan đến dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy điện	-	-	3.583.846.057	3.583.846.057
General Electric Global Parts and Products GMBH	176.936.914.435	176.936.914.435	-	-
Các nhà cung cấp khác	26.336.503.472	26.336.503.472	34.895.643.113	34.895.643.113
<b>b) Các bên liên quan</b>	<b>234.242.360</b>	<b>234.242.360</b>	<b>95.531.849</b>	<b>95.531.849</b>
	<b>2.684.936.258.142</b>	<b>2.684.936.258.141</b>	<b>2.520.003.618.893</b>	<b>2.520.003.618.893</b>

(i) Phản ánh giá trị vật tư, thiết bị nhập từ Siemens Aktiengesellschaft trên cơ sở các tờ khai hải quan nhập vật tư thiết bị phục vụ cho việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2 và Nhà máy Điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2. Số dư nợ phải trả này và khoản mục hàng tồn kho tương ứng sẽ được điều chỉnh khi Công ty hoàn tất các thủ tục với các bên liên quan (như trình bày tại Thuyết minh số 8).

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	64.370.973.636	112.673.620.800
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	294.315.000	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	-	95.642.191.891
	<b>64.665.288.636</b>	<b>208.315.812.691</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	127.732.411.972	127.732.411.972	-
- Thuế GTGT đầu ra	-	29.723.417.854	29.723.417.854	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	98.008.994.118	98.008.994.118	-
Thuế nhập khẩu	-	8.345.930.560	8.345.930.560	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.100.796.616	6.435.909.545	4.575.334.792	4.961.371.369
Thuế thu nhập cá nhân	503.388.118	2.429.430.282	2.266.392.808	666.425.592
Thuế khác	-	4.714.170.424	4.714.170.424	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.604.184.734</b>	<b>149.660.852.783</b>	<b>147.637.240.556</b>	<b>5.627.796.961</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trích trước cho dịch vụ do Văn phòng Công ty thực hiện	66.493.157.380	309.576.148
Chi phí trích trước cho doanh thu nhà thầu phụ (i)	-	142.367.113.453
Chi phí phải trả khác	-	4.011.536.809
	<b>66.493.157.380</b>	<b>146.688.226.410</b>

(i) Phản ánh chi phí phải trả nhà thầu Siemens Aktiengesellschaft liên quan đến dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng đã thực hiện trong Quý 4 năm 2016 tại Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không phát sinh các khoản chi phí trích trước cho doanh thu nhà thầu phụ Siemens Aktiengesellschaft do đã chuyển đổi chủ thể các Hợp đồng bảo dưỡng dài hạn nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và Hợp đồng bảo dưỡng dài hạn các nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 (như trình bày tại Thuyết minh số 8).

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả	4.248.087.326	2.117.098.803
Phải trả ngắn hạn khác	10.722.453.364	2.001.755.692
	<b>14.970.540.690</b>	<b>4.118.854.495</b>

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>15.303.102.810</b>	<b>28.412.804.587</b>	<b>193.715.907.397</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	24.852.074.456	24.852.074.456
Chia cổ tức năm 2015	-	-	(23.431.286.470)	(23.431.286.470)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(2.485.796.836)	(2.485.796.836)
Chi nhánh chuyển lỗ	-	-	(279.666.851)	(279.666.851)
Điều chỉnh khác	-	-	(44.941.880)	(44.941.880)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>15.303.102.810</b>	<b>27.023.187.006</b>	<b>192.326.289.816</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	24.887.886.398	24.887.886.398
Chia cổ tức năm 2016 (i)	-	-	(19.761.749.422)	(19.761.749.422)
Phân phối lợi nhuận (i)	-	2.822.627.798	(8.473.715.240)	(5.651.087.442)
Chi nhánh chuyển lỗ	-	-	1.144.806.540	1.144.806.540
Tăng khác	-	-	181.286.470	181.286.470
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>18.125.730.608</b>	<b>25.001.701.752</b>	<b>193.127.432.360</b>

(i) Theo Nghị quyết số 129/NQ/ĐHCBĐ-DKVT ngày 26 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2014 và 2016 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng: 2.825.543.721 VND (trong đó, số trích từ lợi nhuận năm 2014 là: 254.216.773 VND và số trích từ lợi nhuận năm 2016 là: 2.571.326.948 VND);
- Trích quỹ phúc lợi: 2.825.543.721 VND (trong đó, số trích từ lợi nhuận năm 2014 là: 254.216.773 VND và số trích từ lợi nhuận năm 2016 là: 2.571.326.948 VND);
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 2.822.627.798 VND (trong đó, số trích từ lợi nhuận năm 2014 là: 508.433.545 VND và số trích từ lợi nhuận năm 2016 là: 2.314.194.253 VND);
- Chia cổ tức: 19.761.749.422 VND (trong đó, số phân chia từ lợi nhuận năm 2014 là: 1.477.927.025 VND và số trích từ lợi nhuận năm 2016 là: 18.283.822.397 VND);

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 10 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi		Vốn đã góp	
			Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	76.500.000.000	51	76.500.000.000	76.500.000.000
TYTL Power Service Sdn. Bhd.	27.000.000.000	18	27.000.000.000	27.000.000.000
Cổ đông khác	46.500.000.000	31	46.500.000.000	46.500.000.000
	<b>150.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ (USD)	1,49	374,75
Euro (EUR)	1.184,80	1.221,73

**20. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu dịch vụ từ nhà thầu phụ OEM (i)	891.326.711.159	891.326.711.159
Doanh thu hàng thực thanh thực chi	5.188.231.615	5.188.231.615
Doanh thu Văn phòng Công ty tự thực hiện	462.857.983.976	349.408.488.583
	<b>1.359.372.926.750</b>	<b>1.245.923.431.357</b>
<b>Trong đó:</b>		
<b>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	98.149.786.861	706.900.257.459
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	48.594.666.386	282.317.453.755
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	108.064.804.907	120.090.825.503
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	1.095.526.060.723	23.282.824.768
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrinh	1.608.555.500	-
	<b>1.351.943.874.377</b>	<b>1.132.591.361.485</b>

(i) Đối với các dịch vụ này, Văn phòng Công ty ghi nhận doanh thu/phải thu với các nhà máy điện liên quan đến dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng mà Văn phòng Công ty thuê lại nhà thầu phụ OEM thực hiện.

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp thể hiện giá vốn của dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng mà Văn phòng Công ty thuê lại nhà thầu phụ OEM thực hiện, giá vốn hàng thực thanh, thực chi và giá vốn tương ứng với doanh thu Văn phòng Công ty tự thực hiện.

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	972.028.925.703	93.391.879.187
Chi phí nhân công	166.731.715.426	140.645.003.551
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.001.996.375	6.917.419.141
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.734.228.110	906.667.170.340
Chi phí bằng tiền khác	21.509.106.740	37.953.855.333
	<b>1.331.005.972.354</b>	<b>1.185.575.327.552</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.435.909.545	6.469.617.351
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	32.000.385
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>6.435.909.545</b>	<b>6.501.617.736</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>31.323.795.943</b>	<b>31.353.692.192</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
<i>Cộng: Lãi của các chi nhánh</i>	724.753.281	861.195.027
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	-	(58.042.660)
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ thuế</i>	130.998.503	191.242.198
<b>Thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>32.179.547.727</b>	<b>32.348.086.757</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>6.435.909.545</b>	<b>6.469.617.351</b>
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	32.000.385
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>6.435.909.545</b>	<b>6.501.617.736</b>

Việc xác định thuế thu nhập của Văn phòng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Văn phòng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước (Trình bày lại)</b>
<b>Lợi nhuận trong năm (VND)</b>	<b>24.887.886.398</b>	<b>24.852.074.456</b>
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (i)	(4.977.577.280)	(5.142.653.896)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>19.910.309.118</b>	<b>19.709.420.560</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.327</b>	<b>1.314</b>

- (i) Văn phòng Công ty tạm tính số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bằng 20% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt ngày 26 tháng 4 năm 2017.

Đồng thời, Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bằng số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt ngày 26 tháng 4 năm 2017. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày lại như sau:

	<b>Số đã trình bày trên báo cáo năm trước</b>	<b>Số trình bày lại</b>	<b>Chênh lệch</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.491	1.314	177

**25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh (trực thuộc PVPower)	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	Cùng chủ sở hữu



*Trong năm, Văn phòng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:*


	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.351.943.874.377</b>	<b>1.132.591.361.485</b>
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	1.095.526.060.723	23.282.824.768
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	108.064.804.907	120.090.825.503
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	98.149.786.861	706.900.257.459
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	48.594.666.386	282.317.453.755
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	1.608.555.500	-
<b>Trả cổ tức cho cổ đông</b>	<b>17.262.392.228</b>	<b>23.259.350.166</b>
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	10.863.000.000	11.857.500.000
Các cổ đông khác	6.399.392.228	11.401.850.166
<b>Phí quản lý</b>		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	370.196.135	360.941.222
<b>Phí quản lý nhà điều hành tại Cà Mau</b>		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	530.178.902	117.470.946
<b>Tiền điện, tiền thu nhà tại Nhơn Trạch</b>		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	206.790.110	180.931.616
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>	<b>2.677.299.810</b>	<b>2.505.449.135</b>

**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>439.827.792.682</b>	<b>273.631.999.422</b>
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	296.332.443.494	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	70.832.511.352	51.658.974.760
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	54.053.164.719	50.409.389.625
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	18.609.673.117	171.563.635.037
<b>Phải thu khác</b>	<b>-</b>	<b>5.538.419.000</b>
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	-	5.538.419.000
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải trả người bán</b>	<b>234.242.360</b>	<b>95.531.849</b>
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Cà Mau	188.745.000	-
Công ty TNHH Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	13.668.648	28.443.671
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	31.828.712	67.088.178
<b>Cổ tức phải trả</b>	<b>4.248.087.326</b>	<b>2.117.098.803</b>
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	1.538.250.578
Các cổ đông khác	4.248.087.326	578.848.225
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>64.665.288.636</b>	<b>208.315.812.691</b>
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	64.370.973.636	112.673.620.800
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	294.315.000	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	-	95.642.191.891

**26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo Quyết định số 219/QĐ-CT-KTT2 ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Cục Thuế thành phố Hà Nội, Công ty nhận được 50.589.956.156 VND tiền thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu nước ngoài cho kỳ tính thuế từ tháng 11 năm 2013 đến tháng 11 năm 2014 được Cục thuế Thành phố Hà Nội hoàn trả. Ngày 28 tháng 02 năm 2018, Công ty đã chuyển trả số tiền nêu trên cho nhà thầu Siemens.

  
 \_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Mai Hoa**  
 Người lập biểu

  
 \_\_\_\_\_  
**Lê Đình Thái**  
 Kế toán trưởng

  
 \_\_\_\_\_  
**Nguyễn Minh Tuấn**  
 Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2018